

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 12 - 2024
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn, cán bộ hưu trí

Bà Nguyễn Kim Oanh, giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Khuất Hữu L, sinh năm 1958;

Nơi thường trú: Tổ 53, cụm 8, phường P, Quận T, Thành phố Hà Nội, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn ông Khuất Hữu L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ vào ngày 24/02/1978. Sau khi kết hôn bà L sinh sống ở xã Thọ Lộc, còn ông làm trong ngành công an ở Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn bình thường như bao gia đình khác. Vợ chồng sống với nhau đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống. Ông cảm thấy giữa ông và bà L không có tiếng nói chung, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc nên từ năm 1995 ông ở cơ quan, sau đó sinh sống ở Hà Nội, không về nhà sống cùng bà L. Vợ chồng ly thân từ năm 1995 đến nay, không quan tâm đến nhau. Thời gian gần đây thỉnh thoảng ông về quê giải quyết công việc của họ hàng

nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau. Ông và bà L ly thân đã lâu. Ông không còn tình cảm với bà L nên ông xin ly hôn bà L.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị L có 03 con chung là cháu Khuất Thị Mai P, sinh năm 1982; cháu Khuất Hồng T, sinh năm 1985 và cháu Khuất Thị T, sinh năm 1988. Hiện nay cả 03 con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị L không có tài sản chung.

Về công sức với hai bên gia đình, về nợ: Ông và bà Nguyễn Thị L không có công sức và không có nợ chung.

Về án phí: Ông L là người cao tuổi, ông đề nghị được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà và ông Khuất Hữu L kết hôn với nhau ngày 24/02/1978, tự nguyện đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Lộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Thọ Lộc, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Ông L làm công an công tác tại Hà Nội, thỉnh thoảng về thăm gia đình, còn bà thì sinh sống ở xã Thọ Lộc. Năm 1992 ông L không nói lời nào, tự bỏ đi khỏi địa phương. Ông L bỏ nhà đi từ năm 1992 đến năm 2013 thì trở về địa phương xin lỗi vợ, con, gia đình và họ hàng. Bà và ông L ly thân từ năm 1992 đến năm 2013 mới gặp nhau. Từ năm 2013 đến nay, khi nào họ hàng có việc thì ông L về, xong việc ông L lại đi. Ông L sinh sống ở đâu bà không biết. Khi về nhà ông L cũng không quan tâm đến bà, không chia sẻ niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, ông L không đưa cho bà đồng nào để chăm lo cho cuộc sống gia đình. Bà và ông L ly thân đã lâu, không chung sống cùng với nhau từ năm 1992 đến nay. Ông, bà không quan tâm đến nhau. Nay ông L xin ly hôn bà, bà không đồng ý ly hôn ông L, vì bà và ông L đều đã già, có con, có cháu, có chất nên bà không muốn ly hôn ông L.

Về con chung: Bà và ông Khuất Hữu L có 03 con chung là cháu Khuất Thị Mai P, sinh năm 1982; cháu Khuất Hồng T, sinh năm 1985 và cháu Khuất Thị T, sinh năm 1988. Hiện nay cả 03 con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Bà và ông Khuất Hữu L không có tài sản chung.

Về công sức với hai bên gia đình, về nợ: Bà và ông Khuất Hữu L không có công sức và không có nợ chung.

Ông Khuất Hữu L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn ông Khuất Hữu L. Bà và ông L có 03 con chung là cháu Khuất Thị Mai P, sinh năm 1982; cháu Khuất Hồng T, sinh năm 1985 và cháu Khuất Thị T, sinh năm 1988. Hiện nay cả 03 con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng. Bà và ông L không có tài sản chung; về công sức: không có; bà và ông L không có nợ chung. Bà L trình bày ông L có con riêng với người phụ nữ khác nhưng bà L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông L có con riêng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng trình tự, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận định giữa ông Khuất Hữu L và bà Nguyễn Thị L tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của ông Khuất Hữu L, xử cho ông Khuất Hữu L được ly hôn bà Nguyễn Thị L. Ông L và bà L có 03 con chung là cháu Khuất Thị Mai Phương, sinh năm 1982; cháu Khuất Hồng Thắng, sinh năm 1985 và cháu Khuất Thị Thảo, sinh năm 1988. Hiện nay cả 03 con đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công sức và nợ: Cả ông L và bà L đều xác định không có tài sản chung, không có công sức và không có nợ chung nên không giải quyết.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là ông Khuất Hữu L có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị L có địa chỉ cư trú tại thôn Bướm, xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội. Đây là quan hệ pháp luật ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, ông L và bà L đã có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập tài liệu, chứng cứ theo qui định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông Khuất Hữu L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Khuất Hữu L theo trình tự, thủ tục Bộ luật tố tụng dân sự qui định.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Khuất Hữu L và bà Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Lộc vào ngày 24/02/1978 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, ông L và bà L chung sống hạnh phúc. Theo ông L thì vợ chồng mâu thuẫn từ năm 1995 do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ năm 1995 đến nay, không quan tâm đến nhau. Còn theo bà L thì từ năm 1992 ông L bỏ đi đến năm 2013 mới trở về địa phương. Khi nào trong dòng họ có việc thì ông L về, xong việc ông L lại đi, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Cả ông L và bà L đều xác định vợ chồng ly thân đã lâu, không chung sống với nhau, không quan tâm đến nhau, không chia sẻ niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống. Nay ông L xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà L, ông L xin ly hôn bà L. Bà L không đồng ý ly hôn ông L vì ông bà tuổi đã cao, có con, có cháu, có chất nên bà không muốn ly hôn ông L.

Xét thấy, ông L và bà L ly thân đã lâu, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau. Hôn nhân của ông L và bà L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông L về việc xin ly hôn bà L.

[3] Về con chung: Ông L và bà L có 03 con chung là cháu Khuất Thị Mai P, sinh năm 1982; cháu Khuất Hồng T, sinh năm 1985 và cháu Khuất Thị T, sinh năm 1988. Hiện nay cả 03 con đều đã thành niên, khỏe mạnh, có khả năng lao động nên không xem xét vấn đề nuôi con, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Ông L và bà L đều xác định không có tài sản chung; không có công sức và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Khuất Hữu L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Khuất Hữu L và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Khuất Hữu L, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Khuất Hữu L được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.
2. Về con chung: Ông Khuất Hữu L và bà Nguyễn Thị L có 03 con chung là cháu Khuất Thị Mai P, sinh năm 1982; cháu Khuất Hồng T, sinh năm 1985 và cháu Khuất Thị T, sinh năm 1988.

Hiện nay cả 03 con đều đã thành niên, khỏe mạnh, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề nuôi con, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về tài sản chung: Ông Khuất Hữu L và bà Nguyễn Thị L không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công sức với gia đình và nợ chung: Ông Khuất Hữu L và bà Nguyễn Thị L không có công sức với hai bên gia đình và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí: Ông Khuất Hữu L được miễn án phí nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Ông Khuất Hữu L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Dung